

(Dành cho người nước ngoài) Hướng dẫn về chế độ hỗ trợ phí y tế dành cho trẻ em

◆ Chế độ hỗ trợ phí y tế dành cho trẻ em là gì?

Là chế độ hỗ trợ cho phần viện phí gia đình trả sau khi đã được bảo hiểm y tế trả cho một phần, như tiền phí đi khám bệnh hoặc tiền ăn, nghỉ dưỡng khi nhập viện. Để được hỗ trợ theo chế độ này, bạn cần phải làm thủ tục xin cấp “thẻ y tế”.

◆ Đối tượng trẻ em được hưởng chế độ này

Có đăng ký thường trú tại quận Shinjuku, những trẻ được tính cho đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau khi được 18 tuổi, .

※ Những trẻ thuộc trường hợp từ ① đến ③ như sau đây sẽ không thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ

- ① Trường hợp không tham gia bảo hiểm sức khỏe của Nhật Bản
- ② Trường hợp đang nhận trợ cấp đời sống
- ③ Trường hợp đang ở tại các cơ sở phúc lợi dành cho trẻ em

医療証	
負担者番号	
受給者番号	
氏名	
	生年月日
住所	
保護者	氏名
有効期間	
交付年月日	

医療証	
負担者番号	
受給者番号	
氏名	
	生年月日
住所	
保護者	氏名
有効期間	
交付年月日	

Mẫu của thẻ y tế

Thay đổi thẻ từng năm bằng hai màu xanh và cam

◆ Người đứng đơn xin chế độ hỗ trợ

Là người bảo hộ, nuôi dưỡng trẻ em thuộc đối tượng, có đăng ký thường trú tại quận Shinjuku.

- ※ Không giới hạn thu nhập.
- ※ Trường hợp người bảo hộ không có địa chỉ thường trú tại quận Shinjuku, hãy liên lạc đến thông tin dưới đây.

◆ Cách sử dụng thẻ ý tế

Hãy trình thẻ y tế cùng với thẻ My Number dùng cho mục đích bảo hiểm sức khỏe khi đi khám tại các cơ sở y tế trong thủ đô Tokyo, bạn sẽ không phải trả chi phí y tế.

◆ Trường hợp đã trả phí y tế tại các quầy của các cơ sở y tế

Trong trường hợp từ (1)~(5), có thể nhận được hỗ trợ nếu làm đơn xin.

- (1) Khi đã trả tiền ăn, nghỉ dưỡng khi nhập viện.
- (2) Khi đi khám tại các cơ sở y tế không nằm trong thủ đô Tokyo
- (3) Khi đi khám tại các cơ sở y tế không chấp nhận thẻ y tế
- (4) Trường hợp tham gia bảo hiểm y tế quốc dân của các địa phương hoặc các tổ chức bảo hiểm không thuộc Tokyo
- (5) Khi đã trả toàn bộ phí y tế (100%), sau đó đã nhận lại phần chi phí do đơn vị bảo hiểm sức khỏe mà mình tham gia hoàn lại.

◆ Cách làm đơn xin

(Những giấy tờ cần thiết) Đơn xin cấp thẻ y tế cho trẻ sơ sinh, trẻ em và học sinh cấp 3 và những giấy tờ cho phép xác nhận tư cách bảo hiểm y tế (bản photocopy thẻ bảo hiểm y tế, giấy xác nhận tư cách bảo hiểm y tế, thông báo về thông tin tư cách v.v.)

(Nơi nộp) Ban phụ trách trợ cấp, y tế trẻ em, phòng gia đình trẻ em (quầy 15 tầng 2 trụ sở chính), hoặc tại các địa điểm đặc biệt

※ Trường hợp gửi qua bưu điện (Ban phụ trách trợ cấp, y tế trẻ em) hoặc có thể làm thủ tục tại phần mềm ứng dụng mynportal.

◆ Mẫu điền đơn xin cấp thẻ ý tế

Người đứng đơn xin phải là người đang nuôi dưỡng trẻ em thuộc đối tượng.

Với những du học sinh mà người bảo hộ không sống trong Nhật Bản, hãy đến nhờ tư vấn.

乳幼児・子ども・高校生等医療証 (新規・増人・保護者変更) 交付申請書

Hãy điền thông tin tài khoản ngân hàng của người đứng đơn.

Sẽ dùng làm tài khoản ngân hàng để xin hưởng chế độ hỗ trợ.

新宿区長宛て

フリガナ 氏名	シンジュク タロウ 新宿 太郎	生年月日	1970年1月23日		新宿 (店番号: 123)		銀行 信用金庫 信用組合		新宿区役所 (支店 出張所)								
住所	新宿区 歌舞伎町一丁目4番1号 電話 000 (000) 0000		配偶者の有無	有 無		預金種別	普通	口座番号 (右詰め)	1	2	3	4	5	6	7		
加入している健康保険	1 国民健康保険 2 健康保険組合 3 全国健康保険協会		4 共済組合 5 国保組合 6 その他		口座名義 カタテ記入	シン	シ	ユ	ク	タ	ロ	ウ					
勤務先 名称	新宿 株式会社					※ 口座名義は、金融機関で登録しているとおし、はっきりと書いてください。											
フリガナ 氏名	シンジュク ハナコ 新宿 花子	生年月日	平成6年2月3日		同居 国内別居 国外別居	対象のお子さまの健康保険証等の写し添付欄 (お子さまが加入される予定の健康保険証等 の写しでも構いません) ※灰色部分にのり付けてください ※スペースが足りない場合は、 裏面に添付ください											
同居別居	同居 別居		同居 別居														
フリガナ 氏名	シンジュク イチロウ 新宿 一郎	続柄	子	生年月日	同居 別居	1	1	2	2	3	3	4	4	5	5	6	6
同居別居	同居 別居		同居 別居		同居 別居		同居 別居		同居 別居		同居 別居		同居 別居		同居 別居		
申請者氏名	新宿 太郎					子ども医療費助成制度の医療証の交付を申請します。なお、この制度の資格審査及び毎年の更新時の審査・認定に当たり、区が保有する住民基本台帳及び課税台帳等の公表により確認 することに同意します。また、申請した事項に変更が生じたときは、速やかに届出を行います。 令和6年4月1日											
認定	年月日	保留	年月日	証交付	年月日	他の手当等 見手 (別居 ・ 公務員) ひより親手当案内											
証発行場所	子ども家庭課 ・ 四谷 ・ 笹笥町 ・ 榎町 ・ 若松町 ・ 大久保 ・ 戸塚 ・ 落合第一 ・ 落合第二 ・ 柏木 ・ 角管					却下 認定番号											

Hãy ký tên vào đây.